TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8- HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2026/HS-ST
Ngày: 29/4/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hoài
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Mạc Văn Mùa
2. Bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Thiên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8- Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng và điểm cầu thành phần tại Trại tạm giam số 2 – Công an thành phố H xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 36/2026/TLST - HS ngày 20 tháng 3 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2026/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2026 đối với :

- Bị cáo Lê Đức T, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2002; CCCD số 033202005971, cấp ngày 21/4/2025; Nơi ĐKTT và chỗ ở: Số G, H, Phường L, Thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh T1 và bà Hoàng Thị P; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 125/2024/HSST ngày 07/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (cũ) xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản được đặc xá ngày 01/5/2025. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/01/2026, chuyển tạm giam từ ngày 08/01/2026 tại trại giam S1 Công an thành phố H; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Ông Lương Đình T2, sinh ngày 12/12/1965; số căn cước công dân 030065011382 cấp ngày 28/6/2021; Cư trú tại: 5, Lê Thanh N, thành phố Hải Phòng (đề nghị xử vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Hữu T3, sinh ngày 05/3/1961; số căn cước công dân 030061013467,cấp ngày 25/9/2023; Cư trú tại: Số A, N, Phường L, thành phố Hải Phòng. (đề nghị xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1975; Cư trú tại: số nhà E, T, phường H, thành phố Hải Phòng. (đề nghị xử vắng mặt

2. Anh Hứa Quốc K, sinh năm 1982; Cư trú tại số nhà A, N, phường H, thành phố Hải Phòng.(đề nghị xử vắng mặt).

- Người làm chứng: Cháu Nguyễn Việt A, sinh ngày 05/7/2008; người giám hộ cho cháu A: Ông Nguyễn Bá P1, sinh năm 1975 và bà Lương Thị T4, sinh năm 1978; Đều cư trú tại: Thôn T, xã Y, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

Người hỗ trợ tổ chức phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu thành phần :

1. Ông Nguyễn Quang D – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng

2. Ông Vũ Văn H, ông Nguyễn Huy T5 – Cán bộ Trại tạm giam số 2 – Công an thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 30/12/2025, T từ nhà đi bộ dọc đường H, Phường L, thành phố Hải Phòng, mục đích thấy sơ hở sẽ trộm cắp tài sản để tiêu sài cá nhân. Khoảng 20 giờ cùng ngày, T đi đến khu vực trước cửa số nhà C, H, Phường L, thành phố Hải Phòng thấy có 01 xe Honda Wave, biển số 34K6-6115 của ông Lương Đình T2 đang dựng trước cửa nhà, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện ; T quan sát thấy không có người nên đã lén lút ngồi lên xe mở khóa điện rồi điều khiển xe đi được một đoạn thì gặp cháu Nguyễn Việt A, sinh ngày 05/7/2008, ở thôn T, xã Y, tỉnh Hưng Yên là bạn quen biết ngoài xã hội. Việt A có hỏi T xe ở đâu, T bảo xe của T sau đó T chở Việt A đến nhà anh Nguyễn Văn C ở số nhà E, T, Phường H, thành phố Hải Phòng gạ bán xe cho anh C ; anh C hỏi nguồn gốc và đăng ký xe, T bảo xe của T vội đi nên không mang theo đăng ký và hẹn hôm sau mang đăng ký đến. Anh C đồng ý mua xe với giá 1.500.000đ và yêu cầu T đưa căn cước công dân để làm tin. Do không mang theo căn cước nên T đã mượn căn cước của Việt A đưa cho anh C. Sáng ngày 31/12/2025, T đến gặp anh C và bảo anh C đưa thêm 500.000đ để T về lấy đăng ký xe đưa cho C, anh C đồng ý và đưa thêm cho T 500.000đ. Sau khi nhận được số tiền 500.000đ, T đã chi tiêu cá nhân hết. Ngày 02/01/2026, ông T2 có đơn trình báo đến Công an phường L và giao nộp 01 đĩa DVD ghi lại hình ảnh sự việc; cùng ngày, anh C tự nguyện giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, sơn màu xanh đeo biển số 34K6 - 6115, số khung RLHHC08042Y061468, số máy HC08E- 0061477 ; 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Việt A.

Vụ thứ hai : Sáng ngày 02/01/2026, T đi bộ xung quanh khu vực đường N, Phường L, thành phố Hải Phòng, mục đích nếu thấy sở hở sẽ trộm cắp tài sản. Khoảng 9 giờ 30 phút cùng ngày T đến trước cửa nhà ông Nguyễn Hữu T3, sinh

năm 1964 ; địa chỉ số A, N, phường L, thành phố Hải Phòng ; T quan sát thấy cổng mở, trong nhà không có ai, tại khu vực sân trước cửa nhà có dựng 01 xe máy điện nhãn hiệu 133S màu sơn đỏ đen không đeo biển số của ông T3. T đi vào sân thấy chía khóa xe vẫn cắm tại ổ khóa điện nên T dong chiếc xe máy điện rồi ngồi lên xe mở khóa điện và điều khiển xe đi tìm nơi tiêu thụ. T điều khiển xe đến cửa hàng mua bán xe điện cũ của anh Hứa Quốc K, sinh năm 1982 ; địa chỉ số nhà A, N, phường H, thành phố Hải Phòng gạ bán xe; anh K xem xe và hỏi nguồn gốc xe, T bảo xe của T do lâu không sử dụng nên muốn bán, anh K đồng ý mua với giá 600.000đ. Sau khi nhận tiền T đã chi tiêu cá nhân hết. Ngày 02/01/2026 ông T3 có đơn trình báo Công an Phường L và giao nộp 02 video định dạng MP4 thu được từ Camera của gia đình ; cùng ngày T đến Công an phường L, thành phố Hải Phòng đầu thú và khai nhận hành vi trộm cắp. Ngày 03/01/2026 anh K tự nguyện giao nộp 01 xe máy điện nêu trên cho Công an.

Kết luận định giá tài sản số 01 ngày 06/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND Phường L kết luận: Giá trị 01 xe môtô nhãn hiệu Honda kiểu dáng Wave sơn màu xanh gắn biển kiểm soát 34K6-6115 tại thời điểm ngày 30/12/2025 trị giá **3.633.000đ**; Kết luận giám định số 254 ngày 14/01/2026 của Phòng K1 Công an thành phố H kết luận: Bề mặt kim loại nơi đóng số khung, số máy của xe mô tô Honda Wave, màu sơn xanh, đeo biển kiểm soát 34K6 - 6115 và xe máy điện 133S, màu sơn đỏ đen, không đeo biển kiểm soát gửi giám định không phát hiện thấy dấu vết bị mài mòn, tẩy xóa, sửa chữa các ký tự. Xe mô tô Honda Wave, màu sơn xanh đeo biển kiểm soát 34K6 - 6115, hàng chữ số RLHHC08042Y061466 đóng chìm ở khung xe và hàng chữ số HC08E-0061477 đóng chìm ở thân máy là các chữ số nguyên thủy do nhà sản xuất đóng ra;

Kết luận giám định số 527 ngày 24/01/2026 kết luận: Biển kiểm soát xe mô tô 34K6 - 6115 do Cơ quan CSĐT Công an Thành phố H gửi giám định là thật. 02 xe trên không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng (BL38,39)

Tại bản cáo trạng số 07/CT-VKSKV8 ngày 17/3/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng truy tố bị cáo Lê Đức T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để tạo điều kiện cho bị cáo cơ hội sửa chữa sai lầm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Đức T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 38, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 136, 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử phạt bị cáo Lê Đức T từ 15 đến 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 02/01/2026. Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có tài sản, không có thu nhập, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Trả lại ông Lương Đình T2 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave màu sơn xanh, số máy HC08E - 0061477, số khung RLHHC08042Y061466; BKS 34K6-6115 (xe đã cũ không gương, không yếm chắn bùn,phía trước bị nứt vỡ);

Trả lại anh Nguyễn Hữu T3 01 xe máy điện loại 133S màu sơn đỏ đen không gắn biển số, số máy 1409CP90399S6, số khung 6536214-05822712 (xe đã cũ, yên bị rách) theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/3/2026) giữa Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 – Hải Phòng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ được, hình ảnh trích xuất từ Camera. Có đủ căn cứ kết luận: Do có ý định chiếm đoạt tại sản từ trước, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu; trong khoảng thời gian 19 giờ 30 phút ngày 30/12/2025 tại trước cửa nhà ông Lương Đình T2 địa chỉ: số C, H, Phường L, thành phố Hải Phòng và khoảng 9 giờ 30 phút ngày 02/01/2026 tại sân nhà ông Nguyễn Hữu T3; địa chỉ số A, N, phường L, thành phố Hải Phòng. Lê Đức T đã lén lút chiếm đoạt tài sản 01 xe mô tô nhãn hiệu Hoda Wave màu xanh, biển số 34K6-6115 trị giá **3.633.000đ** của ông T2 và 01 xe máy điện loại 133S màu sơn đỏ đen trị giá **650.000đ** của ông T3. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt **4.283.000đ**.

[2] Hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, vì tham lam tư lợi đã bất chấp pháp luật thực hiện với lỗi cố ý. Cần quyết định mức hình phạt nghiêm, buộc bị cáo cách ly xã hội để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt biết tôn trọng và chấp hành pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Hành vi trộm cắp tài sản ngày 02/01/2026 là 01 xe đạp điện của ông T3, trị giá 650.000đ (dưới mức định lượng quy định của Điều luật) nhưng do trước đó bị cáo đã bị xét xử về Tội trộm cắp tài sản theo bản án số 125/2024/HSST ngày 07/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (cũ) chưa được xóa án tích, do đó bản án này là yếu tố định tội đối với hành vi trộm cắp ngày 02/01/2026.

Hành vi trộm cắp tài sản ngày 31/12/2025 của ông T2 01 xe máy Hoda Wave màu xanh, biển số 34K6-6115 trị giá **3.633.000đ (**trên mức định lượng của Điều luật**)**. Do bản án số 125/2024/HSST ngày 07/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (cũ) chưa được xóa án tích là dấu hiệu định tội của hành vi trộm cắp tài sản ngày 02/01/2026 nên không coi bản án này là tính tiết tăng nặng tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự nhưng bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đã đầu thú và có ông ngoại được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản và không thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự, nghĩa vụ hoàn trả và xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave màu sơn xanh, số máy HC08E - 0061477, số khung RLHHC08042Y061466; BKS 34K6-6115(Xe đã cũ không gương, không yếm chắn bùn,phía trước bị nứt vỡ). Căn cứ phiếu trả lời xác minh thông tin dữ liệu đăng ký xe biển số 34K6-6115, chủ xe là ông Phạm Văn L (BL 32); Địa chỉ: Ô, Đ, TP Hải Phòng; ông L trình bày đã bán xe thời gian đã lâu (BL108); biển số 20H1- 6446, chủ xe Nguyễn Văn S (BL31); Tổ dân phố 05, xã Q, tỉnh Thái Nguyên hiện ông S và gia đình không có mặt tại địa phương (BL111). Ông T2 xác định là tài sản của ông mua đã lâu, không giữ được giấy tờ mua bán và đăng ký xe.

Đối với 01 xe máy điện loại 133S màu sơn đỏ đen không gắn biển số, số máy 1409CP90399S6, số khung 6536214-05822712 (xe đã cũ, yên bị rách) của anh Nguyễn Hữu T3 không giữ được giấy tờ mua bán và đăng ký xe.

Căn cứ kết quả tra cứu 02 xe trên không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng. Cần trả lại cho ông T2 và anh T3.

Sau khi trộm cắp tài sản, bị cáo bán xe mô tô cho anh C được số tiền 2.000.000đ và bán xe máy điện cho anh K được số tiền 600.000đ, đây là số tiền thu lợi bất chính, lẽ ra cần buộc bị cáo phải hoàn trả cho anh C và anh K. Do các anh không yêu cầu hoàn trả và tự nguyện cho bị cáo. HĐXX không giải quyết.

[6] Các vấn đề khác: Các anh C, K khi mua xe, không biết tài sản do T trộm cắp mà có nên không đủ căn cứ xử lý.

Cháu Nguyễn Việt A là người đi cùng T để bán xe mô tô cho anh C đồng thời là người đưa thẻ căn cước công dân cho anh C để làm tin. Cháu A không biết tài sản bán cho anh C là do T phạm tội mà có nên chưa đủ căn cứ xử lý. Cơ quan điều tra đã trả lại thẻ căn cước công cân cho cháu A. HĐXX không giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo bị kết án không thuộc diện được miễn giảm án, lệ phí Tòa án nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 38, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 136, 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên bố: Bị cáo Lê Đức T phạm tội "Trộm cắp tài sản"

[3] Xử phạt: Bị cáo Lê Đức T **12** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 02/01/2026.

[4] Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng:

Trả lại ông Lương Đình T2 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave màu sơn xanh, biển số 34K6-6115, số máy HC08E - 0061477, số khung RLHHC08042Y061466.

Trả lại anh Nguyễn Hữu T3 01 xe máy điện loại 133S màu sơn đỏ đen không gắn biển số, số máy 1409CP90399S6, số khung 6536214-05822712. (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/3/2026 giữa Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 – Hải Phòng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H).

[5]. Về án phí: Bị cáo Lê Đức T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại được quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo về nội dung có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 8- Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT – Công an TP. Hải Phòng;
- Phòng cảnh sát THA hình sự và hỗ trợ tư pháp - Công an thành phố Hải Phòng;
- Phòng HSNV- Công an TP Hải Phòng;
- Trại tạm giam số 2- Công an thành phố Hải Phòng;
- Phòng THADS KV8 - Hải Phòng
- Bị cáo
- Bị hại
- Người có QLNVLQ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hoài

- Lưu hồ sơ vụ án.